

Số: 1501 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển
Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước
tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND 26/11/2003;

Căn cứ Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT - Truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011- 2015;

Căn cứ Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 491/BTTTT-UDCNTT ngày 25/02/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 và kết quả thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 3384/BTTTT-UDCNTT ngày 11/2010;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 147/TTr-STTTT ngày 18/10/2010 về việc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011-2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng và phát triển Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 (Có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai Kế hoạch này đạt kết quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- VPUB; PVP (VX), các phòng ng/c,
Trung tâm CB và TH;
- Lưu: VT, VH.XH.qn626

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Huế

KẾ HOẠCH

**Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động
của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh Quảng Ngãi**
(Kèm theo Quyết định số: 1501 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2010
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I- CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Căn cứ Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước; Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển CNTT - Truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 48/2009/QĐ-TTg ngày 31/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2009 - 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 5/5/2006 Tỉnh ủy Quảng Ngãi “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2006 - 2010”; Nghị quyết số 51/2006/NQ-HĐND ngày 10/10/2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh “Về cải cách hành chính tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2006 - 2010”; Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

- Công văn số 491/BTTTT-UĐCNTT ngày 25/02/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.

- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.

II- HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TỈNH QUẢNG NGÃI

1. Môi trường pháp lý

UBND tỉnh đã ban hành một số chủ trương, chính sách nhằm tạo các hành lang pháp lý có liên quan và thúc đẩy việc ứng dụng, phát triển CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước nói riêng cũng như hoạt động ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh nói chung, góp phần mang lại những kết quả bước đầu trong việc nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và thúc đẩy

quá trình ứng dụng CNTT vào cải cách hành chính trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như:

- Quyết định số 77/2005/QĐ-UBND ngày 27/6/2005 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy chế tạm thời về quản lý, sử dụng hệ thống thư điện tử tỉnh Quảng Ngãi;

- Chỉ thị số 27/CT-UBND ngày 27/12/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng Internet trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định số 1759/QĐ-UBND ngày 09/8/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Ngoài ra, để tăng cường sử dụng thư điện tử (@quangngai.gov.vn), trao đổi văn bản giấy tờ qua mạng, xây dựng và cung cấp dịch vụ hành chính công trên mạng, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nhằm tăng cường nhận thức của các cấp lãnh đạo, thúc đẩy ứng dụng CNTT.

2. Hạ tầng kỹ thuật

Trong thời gian qua, các cơ quan, địa phương đã có sự quan tâm và chủ động trong việc đầu tư và nâng cấp trang thiết bị, cơ sở hạ tầng CNTT. Trong đó, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp CNTT hằng năm để đầu tư cho các đơn vị còn khó khăn nên đến thời điểm hiện nay, về cơ bản cơ sở hạ tầng CNTT tại các cơ quan Nhà nước đã đáp ứng được các yêu cầu để triển khai các ứng dụng CNTT cơ bản đã được định hướng triển khai.

Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC đạt khoảng 0,6 máy/CBCC; các cơ quan Nhà nước trực thuộc UBND tỉnh hầu hết đều đã có mạng LAN và kết nối sử dụng Internet; có khoảng 80% máy tính được kết nối mạng LAN và sử dụng Internet; khoảng 40% hệ thống mạng LAN đã được trang bị hệ thống bảo mật, an ninh mạng (Firewall). Nhìn chung các chương trình chống virus được cài rải rác trên các máy tính đơn lẻ, chủ yếu dùng các sản phẩm lậu và phi thương mại (Free), chưa có hệ thống chống virus chung cho toàn bộ hệ thống.

Chưa xây dựng và kết nối mạng diện rộng WAN. Hiện nay mạng chuyên dùng trong cơ quan Đảng, Nhà nước đã được Cục Bưu điện Trung ương xây dựng và kết nối đến Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Tỉnh ủy và hầu hết các Sở, ngành và địa phương đang được các đơn vị sử dụng thử nghiệm. Tuy nhiên vẫn còn một số đơn vị chưa được lắp đặt thiết bị đầu cuối để khai thác thử nghiệm mạng này.

3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan Nhà nước

a) Về ứng dụng thư điện tử:

Đến nay, có khoảng trên 80% cán bộ công chức (CBCC) trong các cơ quan Nhà nước các cấp đã được cấp địa chỉ thư điện tử (theo tên miền: xxx@quangngai.gov.vn); tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử trong trao đổi công tác đạt khoảng 60%.

Các loại văn bản như lịch làm việc, báo cáo, văn bản dự thảo đã được yêu cầu bắt buộc gửi qua hệ thống thư điện tử; Các công văn, nội dung trao đổi công việc, giấy mời, tài liệu phục vụ họp... cũng được khuyến khích sử dụng thư điện tử để trao đổi. Ước lượng tỷ lệ văn bản được trao đổi qua hệ thống thư điện tử chỉ đạt khoảng từ 10 - 15%.

b) Về ứng dụng hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành:

Đến nay đã có 17 đơn vị đã triển khai phần mềm quản lý văn bản và điều hành; trong đó có 15 đơn vị triển khai phần mềm eOffice của Trung tâm An ninh mạng BKAV; 01 đơn vị sử dụng phần mềm dùng chung của Đề án 112 (Văn phòng UBND tỉnh) và 01 đơn vị đang triển khai phần mềm M-Office của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai (Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh).

Trong năm 2009, UBND tỉnh đã cho phép Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đấu thầu, lựa chọn giải pháp hệ thống quản lý văn bản và điều hành để triển khai chung trong toàn tỉnh và đã chọn giải pháp của Trung tâm An ninh mạng BKAV để triển khai đồng bộ và thống nhất cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trong thời gian tới, sau khi có đánh giá kết quả tình hình triển khai các đơn vị lần cuối (dự kiến trong quý II/2010), tỉnh sẽ triển khai phần mềm này cho tất cả các cơ quan Nhà nước còn lại trên địa bàn tỉnh để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất và đáp ứng các yêu cầu về chức năng, tính năng kỹ thuật trong việc triển khai các phần mềm dùng chung theo các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Một số ứng dụng CNTT khác:

- Việc triển khai tập huấn và sử dụng phần mềm nguồn mở trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước còn nhiều hạn chế và bất cập. Hầu như chỉ dừng lại ở mức nâng cao nhận thức và hiểu biết về các ứng dụng này.

- UBND tỉnh cũng đã chủ trì và tham gia các cuộc họp trực tuyến với Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương có liên quan thông qua hệ thống của các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh (Viettel, VNPT).

- Hiện nay, Sở Tài chính đang chủ trì triển khai hệ thống TABMIS để quản lý công tác tài chính kế toán đến cấp xã. Phần mềm quản lý ngân sách (cấp tỉnh, huyện, xã); kế toán hành chính sự nghiệp đã được ứng dụng tại đơn vị sự nghiệp, cấp mã số đối tượng sử dụng ngân sách Nhà nước, quản lý tài sản sau kiểm kê, kế toán tài chính - ngân sách xã.

- Các ứng dụng CNTT chuyên ngành: Chương trình Quản lý Doanh nghiệp; Dự án đầu tư triển khai tại Sở Kế hoạch và Đầu tư; Chương trình quản lý đất, cấp quyền sử dụng đất VLIS được triển khai tại Sở Tài nguyên và Môi trường; Dự án Tin học hóa thư viện tỉnh; Chương trình quản lý Hộ tịch, đã triển khai tại: 10 xã, phòng Tư pháp huyện Sơn Tịnh; 12 xã, phòng Tư pháp huyện Mộ Đức và Sở Tư pháp; Cục Hải quan tỉnh: “Phần mềm thông quan Điện tử”; Cục Thuế tỉnh “Phần mềm quản lý khai báo và nộp thuế” v.v...

- Trong năm 2010, tỉnh đã bố trí kinh phí đầu tư phát triển đề đầu tư 02 dự án là: Hội nghị truyền hình trực tuyến và Dự án xây dựng Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi.

4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

Trang thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi, tại địa chỉ: <http://www.quangngai.gov.vn> với 100% Sở, Ban ngành và 02 địa phương (UBND huyện Sơn Hà và thành phố Quảng Ngãi) đã có trang thông tin thành phần thuộc Trang thông tin điện tử tỉnh, đã góp phần quan trọng trong công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và các ngành, địa phương đến với nhân dân một cách nhanh chóng và thiết thực. Các tin, bài đăng trên Trang tin (cả tiếng Việt và tiếng Anh) đã chuyển tải một cách chính xác, kịp thời sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và bám sát tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Trang tin với các mục Hỏi đáp, Thông tin việc làm, Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính, Hỗ trợ đầu tư... đã tạo ra kênh thông tin hai chiều nhằm giải đáp những thắc mắc, giúp đỡ và chia sẻ tâm tư, nguyện vọng của bạn đọc trong và ngoài tỉnh.

Đến nay có khoảng gần 1.200 thủ tục hành chính đã được cho đăng tải công bố trên Trang thông tin điện tử của tỉnh (kết quả của Đề án 30), tuy nhiên hầu hết thông tin của các thủ tục hành chính này chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, nội dung của một dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Các ứng dụng CNTT phục vụ cho hoạt động và công tác chuyên môn tại các bộ phận một cửa hầu hết chưa được các đơn vị quan tâm và đầu tư. Hiện nay, có 02 đơn vị đang có chủ trương thực hiện và đầu tư gồm: UBND thành phố Quảng Ngãi có chủ trương đầu tư hệ thống một cửa hiện đại năm 2009 và đã được đưa vào vận hành thử nghiệm vào cuối tháng 3/2010; UBND huyện Sơn Hà đã được giao kinh phí hỗ trợ của TW để tiến hành khảo sát, thu thập thông tin để lập báo cáo đầu tư.

5. Nguồn nhân lực ứng dụng CNTT

Bộ máy của Sở Thông tin và Truyền thông đã từng bước đi vào ổn định và phát huy hiệu quả trong quản lý Nhà nước cũng như hỗ trợ triển khai các hoạt động ứng dụng CNTT. Việc thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin - Truyền thông trực thuộc Sở tạo tiền đề và điều kiện thuận lợi trong quá trình định hướng, triển khai các hoạt động ứng dụng cũng như tiếp nhận vận hành các dự án về CNTT trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Các Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thành phố đã tiếp nhận chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn theo quy định. Tuy nhiên, việc bố trí nhân sự cho lĩnh vực này vẫn còn nhiều hạn chế. Vẫn còn nhiều địa phương chưa có cán bộ phụ trách về lĩnh vực này gây nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển CNTT. Công tác nghiên cứu, tham mưu và xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT tại các cơ quan Nhà nước hầu như chưa được quan tâm đầu tư.

Có khoảng 90% đơn vị đã bố trí cán bộ phụ trách CNTT, tuy nhiên phần lớn là làm việc kiêm nhiệm và phụ trách nhiều công việc khác nên hiệu quả tham mưu cho công tác này chưa cao. Trình độ chuyên môn nhìn chung đáp ứng được yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị.

Tỷ lệ cán bộ, công chức có thể sử dụng máy tính phục vụ công tác văn phòng, chuyên môn đạt khoảng trên 90%. Tuy nhiên các đối tượng này vẫn cần tiếp tục được thường xuyên tập huấn, bồi dưỡng nâng cao hơn nữa kỹ năng tin học văn phòng, sử dụng thư điện tử và khai thác có hiệu quả các thông tin trên mạng để phục vụ và nâng cao hiệu quả công tác chuyên môn.

6. Kinh phí triển khai các dự án ứng dụng CNTT chính trong các cơ quan Nhà nước (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*).

III- MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2011 – 2015

1. Mục tiêu tổng quát

a) Kế hoạch nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng và phát triển CNTT trong toàn tỉnh, đồng bộ với sự phát triển chung của cả nước; đưa CNTT trở thành ngành kinh tế, kỹ thuật quan trọng, đóng góp đáng kể vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế; đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin trong mọi mặt của đời sống xã hội, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà.

b) Cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, trên diện rộng cho người dân và doanh nghiệp, làm cho hoạt động của cơ quan Nhà nước minh bạch hơn, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

c) Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin lớn, tạo môi trường làm việc điện tử rộng khắp giữa các cơ quan Nhà nước, hướng tới nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí hoạt động của cơ quan Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước:

- 70% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng công nghệ kỹ thuật số.

- Tỷ lệ trung bình cán bộ, công chức được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc là 90%.

- Trên 90% cơ quan Nhà nước ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành phục vụ hoạt động chuyên môn.

- Tỷ lệ trung bình máy tính trên cán bộ, công chức tại các cơ quan Nhà nước là trên 90%.

- 100% các cơ quan Nhà nước có Trang thông tin điện tử riêng hoặc là Trang thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh với đầy đủ thông tin theo quy định tại Điều 28 của Luật Công nghệ thông tin và cung cấp đầy đủ dịch vụ công (thuộc thẩm quyền) trực tuyến mức độ 2 cho người dân và doanh nghiệp.

- 100% cơ quan Nhà nước có ứng dụng CNTT phục vụ quản lý CBCC; tài chính kế toán, quản lý công sản và ngân sách (TABMIS).

- Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 hoặc 4 khi hội đủ các điều kiện cần thiết (cung cấp đạt tối thiểu 16 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 trở lên).

b) Đối với ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:

- Cung cấp 100% các dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2. Tối thiểu cung cấp đạt 16 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 và 4.

- Đảm bảo đạt tối thiểu 60% người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ khai thuế qua mạng.

- 30% số hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng được nộp qua mạng.

- Tối thiểu 80% các huyện, thành phố triển khai và ứng dụng hệ thống một cửa điện tử; Hơn 50% các Sở, Ban ngành có ứng dụng CNTT phục vụ công tác chuyên môn tại bộ phận “một cửa”.

c) Mục tiêu ứng dụng CNTT về các lĩnh vực khác:

- Xây dựng và hình thành trên 30 cơ sở dữ liệu trọng điểm phục vụ cho các ứng dụng CNTT có liên quan.

- 100% cơ quan Nhà nước tham gia vào hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước.

IV- NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hạ tầng kỹ thuật

- Tiếp tục nâng cấp và đầu tư đồng bộ hệ thống máy tính, mạng LAN cho tất cả các cơ quan đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn đảm bảo đủ điều kiện hạ tầng để phát triển cơ quan, đơn vị điện tử và Chính quyền điện tử.

- Triển khai kết nối Internet băng thông rộng đến 100% thôn, xã đáp ứng tất cả các yêu cầu kết nối của mọi tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục phát triển mạng truyền số liệu chuyên dụng của các cơ quan Đảng và Nhà nước đến cấp xã, phường, thị trấn. Các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân truy cập mạng thông tin của tỉnh để khai thác thông tin, sử dụng các dịch vụ công phục vụ phát triển.

- Xây dựng Trung tâm quản lý thông tin và An ninh mạng nhằm tập trung đầu mối lưu trữ, quản lý các hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh (đến 2015 dự kiến đạt khoảng 20 cơ sở dữ liệu); đảm bảo về an toàn bảo mật, an ninh thông tin cho hệ thống cơ sở dữ liệu này.

- Tham gia và triển khai hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan Nhà nước.

- Trang bị hạ tầng bảo đảm truy cập thuận tiện tới các dịch vụ công qua nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử; trung tâm chăm sóc khách hàng; điện thoại cố định; điện thoại di động; bộ phận “một cửa”; kiosk (dịch vụ tra cứu thông tin chuyên ngành) và các hình thức khác (theo tình hình thực tiễn và sự phát triển của các công nghệ có liên quan).

- Xây dựng và trang bị hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đảm bảo phục vụ các cuộc họp điện tử đa phương tiện giữa các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh và giữa tỉnh với Chính phủ và các Bộ, ngành.

- Để đảm bảo đáp ứng việc triển khai và phát triển Chính quyền điện tử, đến năm 2015 tập trung triển khai xây dựng và đưa vào khai thác trên 30 cơ sở dữ liệu trọng điểm nhằm phục vụ công tác xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 (theo Phụ lục số 1 đính kèm).

2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan Nhà nước

- Triển khai đồng bộ, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản và điều hành giữa các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh và các huyện, thành phố. Đảm bảo (về tính pháp lý của văn bản điện tử và chữ ký số) các công văn điện tử được phát hành liên thông giữa các cơ quan này, hạn chế đến mức thấp việc sử dụng và gửi công văn bằng văn bản giấy.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai một cách đồng bộ và thống nhất hệ thống quản lý văn bản và điều hành tại UBND xã, phường, thị trấn đạt tối thiểu 50% số xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh.

- Đảm bảo 100% các loại văn bản như: lịch công tác tuần, lịch làm việc, giấy mời, báo cáo, dự thảo văn bản trình, tài liệu phục vụ cuộc họp, gửi đề biết, đề báo cáo... chỉ được gửi qua thư điện tử (xxx@quangngai.gov.vn) hoặc trên môi trường mạng.

- Phát triển hệ thống quản lý thông tin tổng thể (Enterprise Content Management - ECM): Cho phép quản lý tập trung các tài nguyên thông tin của cơ quan, đảm bảo việc truy cập, chia sẻ, lưu trữ thông tin được thuận tiện

và an toàn thông qua việc phân quyền kiểm soát truy cập đối với từng người sử dụng, đảm bảo các mục tiêu:

+ Hệ thống hóa được các nguồn tài nguyên thông tin trên cơ sở đánh giá hiện trạng và phân tích các yêu cầu quản lý, tác nghiệp.

+ Xây dựng giải pháp quản trị nội dung tổng thể cho phép quản lý thống nhất tài nguyên thông tin.

+ Xây dựng hệ thống quản lý nội dung tổng thể cho phép quản lý, chia sẻ các tài nguyên thông tin.

+ Xây dựng nền tảng để tự động hóa các quy trình nghiệp vụ dựa trên các nội dung và tài liệu được hệ thống hóa, lưu trữ, quản lý thống nhất trong kho dữ liệu điện tử của hệ thống ECM.

- Hệ thống quản lý cán bộ - công chức và quản lý tài chính (TABMIS) được triển khai đồng bộ và thông suốt đến tất cả các cơ quan Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn. Đảm bảo hệ thống này được duy trì và kết nối cập nhật dữ liệu thường xuyên cho các Bộ, ngành chủ quản liên quan.

- Triển khai phần mềm quản lý trường học thống nhất trong toàn tỉnh trên cơ sở phần mềm chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ trên các cơ sở dữ liệu quan trọng được đầu tư và tình hình thực tiễn, nhu cầu quản lý chuyên môn các cơ quan Nhà nước, chủ động nghiên cứu và có kế hoạch xây dựng, triển khai các phần mềm ứng dụng có liên quan đảm bảo phục vụ cho công tác chuyên môn.

3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin thành phần của các cơ quan Nhà nước.

- Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3 đến người dân và doanh nghiệp, ít nhất 10 dịch vụ công đối với cấp tỉnh và 06 dịch vụ công đối với cấp huyện. Đồng thời tùy theo tình hình thực tiễn, đáp ứng về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực, khuyến nghị các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm để phát triển thêm 08 dịch vụ hành chính công mức độ khác.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận “một cửa”, “một cửa liên thông” theo hướng: Bảo đảm khả năng kết nối giữa các hệ thống thông tin tại bộ phận “một cửa” với cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước, tạo điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp qua mạng Internet; bảo đảm tính liên thông giữa các đơn vị trong quy trình xử lý thủ tục; bảo đảm tin học hóa tối đa các hoạt động trong quy trình thủ tục hành chính.

- Triển khai các hệ thống thông tin thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp: Hệ thống quản lý đất đai (VLAP) thông suốt đến 14 huyện, thành

phổ; Tin học hóa hệ thống quản lý giáo dục, xây dựng trường điện tử; Xây dựng CSDL và hệ thống quản lý về Hộ tịch, hộ khẩu; Phát triển mạng thông tin giáo dục; Phát triển mạng thông tin y tế, các dịch vụ y tế từ xa.

- Hỗ trợ các đoàn thể, tổ chức xã hội phổ cập nâng cao nhận thức về CNTT cho các hội viên, đoàn viên, đặc biệt là bộ phận đoàn viên, thanh niên.

- Tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trong hoạt động của cơ quan Nhà nước bằng cách nâng cao hiệu quả kênh tiếp nhận ý kiến góp ý của người dân trên môi trường mạng, tổ chức đối thoại trực tuyến, chuyên mục hỏi đáp trực tuyến về hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

4. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Chú trọng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại tất cả các cơ quan Nhà nước, phát triển đội ngũ lãnh đạo CNTT (CIO). Nâng cấp Trung tâm CNTT-TT của Sở Thông tin và Truyền thông cả về quy mô và năng lực nhằm đảm bảo triển khai tốt các chương trình ứng dụng CNTT lớn của tỉnh, thực hiện hợp tác, liên kết với các trường Đại học, các tập đoàn CNTT lớn trong và ngoài nước triển các các giải pháp ứng dụng CNTT tiên tiến, các chương trình đào tạo CNTT chất lượng cao và đào tạo CIO.

Cụ thể lực lượng cán bộ chuyên trách CNTT trong cơ quan hành chính các cấp cần đạt như sau:

Chỉ tiêu \ Cơ quan	Cơ quan đơn vị cấp tỉnh		Cơ quan đơn vị cấp huyện		Cơ quan đơn vị cấp xã		Một số Sở, ngành	
	2010	2015	2010	2015	2010	2015	2010	2015
Đến năm								
Số cán bộ CD/ĐH	1	2	1	1	0	0	2-3	4 - 6
Số cán bộ TC, Kỹ thuật viên	1-2	2-4	1-2	1-2	1	1-2	3-5	8-10
Số cán bộ CIO	1	1	0	1	0	0	1	1

- Tiếp tục phổ cập tin học đến 100% cán bộ, viên chức thuộc ngành y tế của tỉnh. Bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT và lãnh đạo CIO.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong công tác đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Đẩy mạnh phát triển đội ngũ giáo viên chuyên ngành CNTT, đặc biệt là đội ngũ giáo viên CNTT đào tạo các chương trình CNTT chất lượng cao. Phát triển mạnh đội ngũ lãnh đạo CIO của ngành giáo dục.

- Tiếp tục đẩy mạnh phổ cập tin học cho thanh niên; phong trào tin học hóa nông thôn, phổ cập tin học và ứng dụng phát triển nông thôn.

V- GIẢI PHÁP

1. Giải pháp tài chính

- Vốn từ ngân sách (ngân sách Trung ương và ngân sách của tỉnh): Chủ yếu tập trung đầu tư cho phát triển hạ tầng CNTT, ứng dụng CNTT và đào tạo nguồn nhân lực CNTT tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh; Hàng năm, chủ động phân bổ nguồn kinh phí đáng kể để đầu tư cho phát triển và ứng dụng CNTT (phần đầu đạt khoảng 1% tổng chi ngân sách trở lên).

- Huy động vốn trong các doanh nghiệp: Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ cho ứng dụng CNTT để phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng lực quản lý và khả năng cạnh tranh trên thị trường; có thể tự huy động vốn, vay vốn ngân hàng; Ưu tiên cho các DN CNTT trên địa bàn tỉnh tham gia các dự án CNTT của tỉnh, tạo điều kiện cho các DN mạnh dạn đầu tư, nâng cao trình độ, mở rộng quy mô và đi tắt đón đầu công nghệ.

- Huy động vốn trong dân: Đây là nguồn vốn rất lớn, cần có biện pháp tích cực để huy động tối đa nguồn vốn này. Thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước về huy động vốn nhân rỗi của dân; Khuyến khích tư nhân trong và ngoài tỉnh, Việt kiều ở nước ngoài đầu tư dưới hình thức liên doanh, góp cổ phần hoặc đầu tư trực tiếp để phát triển CNTT trên địa bàn tỉnh.

- Huy động vốn đầu tư nước ngoài: Xây dựng cơ chế thông thoáng “một cửa”, giải quyết thủ tục nhiệt tình, nhanh chóng đối với các nhà đầu tư để thu hút các dự án đầu tư từ nước ngoài. Sử dụng một số phần vốn ODA của các nước giúp Việt Nam vào xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng CNTT-TT ở nông thôn. Tổ chức hội thảo, giới thiệu và mời chào các doanh nghiệp đầu tư, đặc biệt là đầu tư phát triển công nghiệp CNTT. Xây dựng quy hoạch chi tiết Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho thu hút vốn đầu tư. Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư phù hợp với từng lĩnh vực ngành nghề với mức ưu đãi cao nhất trong khung pháp lý chung của Nhà nước, đồng thời thể hiện một số ưu đãi riêng của tỉnh, chú trọng các hình thức đầu tư mới, gắn quyền lợi với trách nhiệm của nhà đầu tư.

2. Giải pháp triển khai

- Có hướng dẫn, định hướng đồng bộ và thống nhất về việc xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung triển khai các ứng dụng CNTT lớn trong thời gian tới, trong đó có Chính phủ điện tử nhằm cải tiến quy trình quản lý, điều hành, cung cấp được nhiều dịch vụ công cho người dân, tạo ra một chính quyền minh bạch, môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

- Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường, thị trấn để triển khai nhân rộng.

3. Giải pháp tổ chức

- Tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo CNTT, đề xuất cho tỉnh các chính sách khuyến khích đầu tư, các dự án ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh, chỉ đạo điều phối đồng bộ các ứng dụng CNTT lớn; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cũng như lãnh đạo công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước.

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cơ cấu tổ chức chuyên trách và quản lý CNTT tại các cấp, các cơ quan Nhà nước; Có kế hoạch, chiến lược tiếp tục xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo công nghệ thông tin (CIO) các cấp, để thúc đẩy các ứng dụng CNTT tại các Sở, Ban ngành, các huyện, thành phố.

- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai kế hoạch này với chương trình, kế hoạch cải cách hành chính để ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, có tác dụng thực sự thúc đẩy cải cách hành chính và tăng hiệu quả của ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Giải pháp môi trường chính sách

- Rà soát, đánh giá và hiệu chỉnh Quy hoạch phát triển CNTT tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007 - 2015 và định hướng đến 2015 phù hợp với kết quả triển khai trong thời gian qua và tình hình hiện nay.

- Xây dựng và ban hành các quy định về trao đổi, quản lý và điều hành bằng văn bản điện tử, tăng cường chia sẻ thông tin qua mạng trong các cơ quan Nhà nước. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị để trao đổi các văn bản điện tử giữa các cơ quan Nhà nước.

- Xây dựng và ban hành quy định ưu tiên biên chế cán bộ; chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin cho các cơ quan Nhà nước phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

- Ban hành và hoàn thiện các chính sách, quy định về tài chính đảm bảo và phù hợp với đặc thù ứng dụng CNTT như bảo đảm nguồn kinh phí cho ứng dụng CNTT trong kế hoạch ngân sách hàng năm, hướng dẫn quản lý đầu tư cho ứng dụng CNTT... Xây dựng các chính sách, quy chế đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Cụ thể hoá chính sách mua sắm, sử dụng trang thiết bị và dịch vụ CNTT của các cơ quan Đảng và Nhà nước. Khuyến khích sử dụng các sản phẩm và dịch vụ CNTT của các doanh nghiệp thuộc tỉnh nói riêng và Việt Nam nói chung sản xuất.

5. Giải pháp nâng cao nhận thức về CNTT

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền rộng rãi nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức và các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử cho cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả và đa dạng hóa các hình thức quy mô tuyên truyền, thông tin, phổ biến kiến thức về CNTT và xã hội thông tin thông qua truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, kết hợp

với các chương trình hội thảo, các chương trình đào tạo phổ cập, bồi dưỡng về CNTT.

- Tổ chức các chương trình hội thảo, các lớp tập huấn với hình thức, nội dung thông tin thích hợp cho lãnh đạo các cấp về chiến lược và chính sách CNTT của các nước, về xu hướng phát triển, ảnh hưởng, tầm quan trọng và khả năng ứng dụng CNTT hỗ trợ các lĩnh vực và hoạt động.

- Xây dựng và triển khai việc đào tạo ngắn hạn nhằm nâng cao nhận thức, chất lượng ứng dụng, khai thác CNTT phục vụ chuyên môn, và CQĐT cho lãnh đạo các cấp chính quyền của tỉnh.

6. Tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá

- Thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Nhà nước để có những giải pháp thúc đẩy kịp thời. Xem xét đưa tiêu chí hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào các phong trào thi đua, bình xét khen thưởng.

- Xây dựng các phương pháp đánh giá khoa học về ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp điều kiện thực tế tại các cơ quan Nhà nước và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh và quốc gia.

7. Giải pháp về công nghệ và học tập kinh nghiệm

- Chủ động đầu tư nghiên cứu, hợp tác chuyển giao công nghệ nhằm đi tắt đón đầu, tiếp cận công nghệ tiên tiến. Không ngừng cải tiến, nâng cấp ứng dụng công nghệ tiên tiến đảm bảo đáp ứng tối đa yêu cầu công việc, hoạt động trong cơ quan Nhà nước.

- Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình phát triển Chính quyền điện tử thành công tại các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tập trung thu hút và đào tạo các chuyên gia phát triển Chính phủ điện tử phục vụ cho xây dựng và phát triển hệ thống chính quyền điện tử của tỉnh.

VI. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Một số nội dung, chỉ tiêu cụ thể cần thực hiện đạt được theo lộ trình từng năm của Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015, cụ thể:

1. Đến năm 2011

- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi được xây dựng hoàn thành và đưa vào khai thác vận hành đảm bảo công tác quản lý điều hành của UBND tỉnh, các cơ quan Nhà nước và cung cấp thông tin, dịch vụ hành chính công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thư điện tử của tỉnh về tính năng, chức năng kỹ thuật, tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin... Đảm bảo hầu hết các CBCC trong cơ quan Nhà nước đều được cung cấp địa chỉ thư điện tử của tỉnh Quảng Ngãi (xxx@quangngai.gov.vn). Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc đạt khoảng trên 60%.

- 40% đơn vị cấp tỉnh triển khai và sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành. 30% các cơ quan Nhà nước có Trang thông tin điện tử riêng hoặc là Trang thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

- 20% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 10% đơn vị cấp xã, phường, thị trấn được xây dựng mạng LAN và sử dụng, khai thác Internet băng thông rộng.

- Hoàn thiện và cung cấp 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2 trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử khác. Xây dựng và cung cấp tối thiểu 03 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hoàn thành tối thiểu 03 CSDL quan trọng.

- 20% cơ quan Nhà nước có ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa hoặc triển khai hệ thống một cửa điện tử.

2. Đến năm 2012

- Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc đạt khoảng 70%.

- 60% đơn vị cấp tỉnh triển khai và sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành (đối với các huyện, thành phố đạt 100%).

- 50% các cơ quan Nhà nước có Trang thông tin điện tử riêng hoặc là Trang thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

- 30% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 30% đơn vị cấp xã, phường, thị trấn được xây dựng mạng LAN và sử dụng, khai thác Internet băng thông rộng; 10% đơn vị được sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông với cấp huyện.

- Xây dựng và cung cấp tối thiểu 06 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hoàn thành tối thiểu 6 CSDL quan trọng.

- 40% cơ quan Nhà nước có ứng dụng CNTT tại bộ phận “một cửa” hoặc triển khai hệ thống “một cửa điện tử”.

- Xúc tiến xây dựng Trung tâm quản lý thông tin và an ninh mạng trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Đến năm 2013

- Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc đạt khoảng 80%.

- 80% đơn vị cấp tỉnh triển khai và sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh. 70% các cơ quan Nhà nước có Trang thông tin điện tử riêng hoặc là Trang thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

- 50% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 50% đơn vị cấp xã, phường, thị trấn được xây dựng mạng LAN và sử dụng, khai thác Internet băng thông rộng; 30% đơn vị được sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông với cấp huyện.

- Xây dựng và cung cấp tối thiểu 10 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hoàn thành tối thiểu 9 CSDL quan trọng.

- 60% cơ quan Nhà nước có ứng dụng CNTT tại bộ phận “một cửa” hoặc triển khai hệ thống “một cửa điện tử” (trong đó các huyện, thành phố đạt 100%).

4. Đến năm 2014

- Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc đạt khoảng 85%.

- 100% đơn vị cấp tỉnh triển khai và sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh; 80% các cơ quan Nhà nước có Trang thông tin điện tử riêng hoặc là Trang thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

- 60% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- 70% đơn vị cấp xã, phường, thị trấn được xây dựng mạng LAN và sử dụng, khai thác Internet băng thông rộng; 50% đơn vị được sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông với cấp huyện.

- Xây dựng và cung cấp tối thiểu 13 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hoàn thành tối thiểu 15 CSDL quan trọng.

- 80% cơ quan Nhà nước có ứng dụng CNTT tại bộ phận “một cửa” hoặc triển khai hệ thống “một cửa điện tử”.

5. Đến năm 2015

- Tỷ lệ CBCC thường xuyên sử dụng thư điện tử để trao đổi công việc đạt khoảng 90%.

- 100% các cơ quan Nhà nước có Trang thông tin điện tử riêng hoặc là Trang thành phần của Cổng Thông tin điện tử tỉnh.

- 70% các văn bản, tài liệu chính thức trao đổi giữa các cơ quan Nhà nước được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- Tối thiểu đạt 90% đơn vị cấp xã, phường, thị trấn được xây dựng mạng LAN và sử dụng, khai thác Internet băng thông rộng; 60% đơn vị được sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành liên thông với cấp huyện.

- Xây dựng và cung cấp tối thiểu 16 dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng hoàn thành 20 CSDL quan trọng.

- 90% cơ quan Nhà nước có ứng dụng CNTT tại bộ phận “một cửa” hoặc triển khai hệ thống “một cửa điện tử”.

VII- KINH PHÍ THỰC HIỆN VÀ DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Kinh phí cho các Dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch sẽ được xác định cụ thể khi các dự án, nhiệm vụ được xây dựng và phê duyệt theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm.

2. Kinh phí từ ngân sách địa phương bảo đảm triển khai tất cả các nội dung của Kế hoạch này.

(Nguồn kinh phí đã được dự kiến theo Quy hoạch phát triển CNTT của tỉnh và theo phụ lục đính kèm).

VIII- DỰ KIẾN HIỆU QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

1. Phát triển và ứng dụng CNTT là động lực phát triển kinh tế xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cho phép đi tắt đón đầu và tạo nền móng cho sự phát triển đến nền kinh tế tri thức. Giúp tỉnh Quảng Ngãi nhanh chóng xây dựng và phát triển CNTT, đưa CNTT thành động lực phát triển kinh tế xã hội góp phần đạt và vượt chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra và tiếp tục thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển trong các năm tiếp theo.

2. Phát huy tối đa tiềm năng con người, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý Nhà nước, thúc đẩy nhanh tiến trình cải cách hành chính và tin học hoá hành chính.

3. Ứng dụng CNTT một cách đồng bộ trong 100% các cơ quan Đảng, quản lý Nhà nước đến cấp xã, phường, thị trấn; tăng năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, giảm được sự quan liêu, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân phát huy năng lực đóng góp vào quá trình phát triển.

4. Hình thành môi trường, quy trình làm việc, trao đổi và tác nghiệp trực tuyến qua mạng máy tính trong tất cả các cơ quan Đảng và cơ quan quản lý Nhà nước. Từng bước xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh trong hệ thống Chính phủ điện tử của quốc gia, đáp ứng tối đa các nhu cầu giao dịch trao đổi thông tin trong mọi hoạt động kinh tế, văn hoá xã hội và an ninh quốc phòng thúc đẩy phát triển.

IX- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm

a) Căn cứ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh và các định hướng, nội dung hướng dẫn có liên quan khác, hằng năm xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách ứng dụng công nghệ thông tin và gửi về Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, cân đối và tham mưu cho UBND tỉnh bố trí trong ngân sách tỉnh

cho ứng dụng công nghệ thông tin. Thời gian gửi dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin cùng thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan tới Sở Tài chính.

b) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo định kỳ 6 tháng và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch này theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

c) Các cơ quan chủ trì căn cứ các dự án, nhiệm vụ, nội dung ứng dụng CNTT liên quan đã được phê duyệt, có trách nhiệm tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý ngân sách.

d) Đảm bảo đầu tư và thực hiện các dự án đầu tư đã được các cấp có thẩm quyền quyết định theo đúng tiến độ. Triển khai các hoạt động về ứng dụng và phát triển CNTT trong kế hoạch hoạt động thường xuyên của đơn vị.

e) Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin quốc gia, báo cáo tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

a) Tham mưu tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo CNTT của tỉnh trong việc đẩy công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

b) Hướng dẫn các cơ quan Nhà nước xây dựng kế hoạch hàng năm và dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Hướng dẫn các cơ quan Nhà nước xây dựng báo cáo hàng năm và báo cáo thường xuyên tình hình thực hiện Kế hoạch này.

d) Kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch này; xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng gửi UBND tỉnh, đề xuất các điều chỉnh nội dung Kế hoạch cho phù hợp với tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh, trong toàn quốc và thực tiễn triển khai thực hiện.

e) Triển khai hướng dẫn đánh giá mức độ thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước theo định hướng, kế hoạch quốc gia và phương pháp đánh giá mức độ sử dụng và hài lòng của người dân đối với các dịch vụ Chính phủ điện tử.

f) Tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ để triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước 5 năm và hàng năm. Xây dựng tài liệu, tổ chức đào tạo và tập huấn về quản lý dự án công nghệ thông tin.

g) Xây dựng các chính sách thu hút, phối hợp với doanh nghiệp trong công tác triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Nhà nước.

h) Hướng dẫn xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Nhà nước.

i) Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước. Triển khai

công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

j) Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, phổ biến triển khai nhân rộng trong toàn tỉnh.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình UBND tỉnh quyết định bố trí vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan Nhà nước.

5. Sở Nội vụ có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với Chương trình cải cách hành chính của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng và thực hiện các quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử thống nhất trong toàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng chính sách ưu đãi thích hợp cho cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin trong cơ quan Nhà nước.

6. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng các quy định nhằm giảm văn bản bằng giấy, tăng cường chia sẻ thông tin điện tử trong hoạt động của cơ quan Nhà nước./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Hué

PHỤ LỤC SỐ 1**Hệ thống cung cấp dịch vụ hành chính công****tuyên mức độ 3 đến năm 2015***(Kèm theo Quyết định số 1501/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

TT	Tên cơ sở dữ liệu	CQ chủ trì
1	CSDL về thông tin kinh tế xã hội	Văn phòng UBND tỉnh
2	CSDL Dân cư	Công an tỉnh
3	CSDL quản lý an ninh trật tự	Công an tỉnh
4	CSDL Đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
5	CSDL về Tài nguyên và môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	CSDL Ngoại vụ (người VN định cư ở nước ngoài)	Sở Ngoại vụ
7	CSDL về cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ
8	CSDL công chứng, chứng thực, giám định tư pháp, hộ tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, quốc tịch	Sở Tư pháp
9	CSDL khoa học và công nghệ, sở hữu công nghiệp, tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Phân tích và dự báo kinh tế xã hội	Sở Kế hoạch và Đầu tư
11	CSDL Hệ thống giáo dục các cấp, các cơ sở đào tạo, dạy nghề trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
12	CSDL về cán bộ, giáo viên ngành giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	CSDL hệ thống các bệnh viện, các trung tâm y tế, các phòng khám, phòng thuốc trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế
14	CSDL về dịch bệnh, phương pháp phòng chống dịch bệnh	Sở Y tế
15	CSDL về dược liệu (Đông, Tây) và phương pháp sử dụng	Sở Y tế
16	CSDL quân nhân chuyên nghiệp và công nhân viên quốc phòng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
17	CSDL vũ khí, khí tài, trang thiết bị an ninh quốc phòng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
18	CSDL mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh	Sở Giao thông - Vận tải
19	CSDL phương tiện xe cơ giới	Sở Giao thông - Vận tải
20	CSDL đề điều và phòng chống lụt bão	Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn

PHỤ LỤC SỐ 2

BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2008 - 2010

(Kèm Quyết định số: 1504 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

T T	Dự án	Mục tiêu	Tổng mức đầu tư	Nguồn đầu tư	Thời gian thực hiện	Hiệu quả/Hiện trạng
1	Xây dựng Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ngãi Sở TTTT	Xây dựng hệ thống thông tin tích hợp, trong đó các đơn vị của tỉnh có thể tham gia vào hệ thống như các thành viên cung cấp thông tin hành chính và xử lý yêu cầu hành chính theo mô hình Cổng giao tiếp điện tử của tỉnh. Là công cụ để các cơ quan chính quyền trong tỉnh thực hiện cung cấp dịch vụ công cho tổ chức và công dân qua môi trường mạng	4.623	NS tỉnh, TW và các nguồn khác	2009-2010	Đang xây dựng báo cáo TKKT-TĐT
2	Xây dựng Hệ thống hội nghị truyền hình Quảng Ngãi Sở TTTT	Cho phép tiến hành tổ chức họp, hội nghị, giao ban trực tuyến giữa UBND tỉnh và một số lãnh đạo đơn vị, địa phương qua môi trường mạng nhằm mục đích giảm bớt chi phí cho ngân sách, thời gian, nâng cao hiệu quả hoạt động chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh	7.575	NS tỉnh	2009-2100	Đã phê duyệt TĐT; CĐT đã ký hợp đồng và đang tiến hành thực hiện nhập thiết bị
3	Đưa điện thoại và Internet về nông thôn Sở TTTT	Trang bị hệ thống máy vi tính, kết nối internet băng rộng tại các trung tâm xã để phục vụ nhu cầu truy cập thông tin của nhân dân và cán bộ xã. Xây dựng hệ thống giải pháp triển khai hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả tiếp nhận và sử dụng thông tin của người dân tại các vùng nông thôn tỉnh Quảng Ngãi.	7.450	NS tỉnh và Quỹ DVTCI	2009-2010	Đã xây dựng dự án, nhưng cần phải điều chỉnh theo yêu cầu của Sở KH&ĐT để trình UBND tỉnh
4	Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý tài chính tỉnh Quảng Ngãi Sở Tài chính	Xây dựng và ứng dụng CNTT vào công tác quản lý tài chính thông suốt từ cấp Bộ đến tỉnh và các Huyện, Thành phố.	8.810	NS tỉnh +NS Bộ TNMT	2008-2010	Đã triển khai mua trang thiết bị CNTT trong 02 năm 2008, 2009, triển khai các phần mềm quản lý công sản, ngân sách, đầu tư;
5	Dự án hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống quản lý đất đai VN (VLAP) Sở TN và MT	Tăng cường sự tiếp cận của mọi đối tượng đối với dịch vụ thông tin đất đai qua việc phát triển một hệ thống quản lý đất đai hoàn thiện ở các tỉnh được lựa chọn của VN	220	NS tỉnh + NS Ngân hàng thế giới	2008-2013	Đã được phê duyệt, đang thực hiện nhiệm vụ